

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y - TỈNH N1 BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2024
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH N1 BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thu Phương và ông Nguyễn Hà Giang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N1 Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 17/7/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N1 Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2024 về việc “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N sinh năm 1995; nơi cư trú xóm 2, xã K, huyện Y, tỉnh N1 Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn N1 sinh năm 1991; nơi cư trú xóm 7, xã K, huyện Y, tỉnh N1 Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2024, bản tự khai 08/4/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là N trình bày: Chị N và anh N1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã Khánh Vân ngày 19/02/2014. Trong cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc; nguyên nhân là do anh N1 hay rượu chè về chửi bới đánh đập chị N, đã được bố mẹ để anh N1 khuyên bảo nhiều lần để anh N1 sửa đổi tính cách để cho vợ chồng chung sống hoà hợp với nhau, nhưng anh N1 vẫn không sửa chữa và ngày một quá ra; chị N thấy cuộc sống với anh N1 không có hạnh phúc, nên từ tháng 02/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị N xin ly hôn anh N1. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Phạm Thị Hồng H sinh ngày 06/01/2015 và cháu Phạm Thị Yến H1 sinh ngày 01/12/2018; chị N đề nghị giao cả hai cháu H và cháu H1 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị N cấp dưỡng nuôi con cho anh N1 mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2024 và tại phiên tòa bị đơn là anh N1 trình bày: Anh N1 và chị N tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Khánh Vân ngày 19/02/2014. Trong cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp và liên quan đến kinh tế gia đình, sau đó chị Ngân bỏ nhà đi về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 02/2023 cho đến nay, trong thời gian chị N bỏ nhà đi anh N1 có đi tìm chị N về nhưng chị N không về; nay chị N xin ly hôn anh N1, nên anh N1 đồng ý ly hôn chị N. Về con, vợ chồng có 02 con là cháu Phạm Thị Hồng H sinh ngày 06/01/2015 và cháu Phạm Thị Yến H1 sinh ngày 01/12/2018; anh N1 đề nghị giao cả hai cháu H và cháu H1 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; anh N1 yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N1 mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu H và cháu H1 đủ 18 tuổi. Về tài sản, anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các bên đương sự chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Về ly hôn: Cho chị N được ly hôn anh N1.
- Về nuôi con: Giao cả hai cháu H và cháu H1 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị N cấp dưỡng nuôi con cho anh N1 mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng, tính từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và chị N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị N khởi kiện “Xin ly hôn; tranh chấp về nuôi con” với anh N1, việc khởi kiện của chị N được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh N1 cư trú tại xã Khánh Vân, huyện Y, tỉnh N1 Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Chị N và anh N1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Vân ngày 19/02/2014, tại thời điểm kết hôn cả chị N và anh N1 đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình; do vậy hôn nhân giữa chị N và anh N1 là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo chị N và anh N1 đều khai trong cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và từ tháng 02/2023 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau; anh N1 đồng ý ly hôn chị N.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh N1 không có hạnh phúc; vợ chồng không yêu thương, quý trọng nhau; không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau; việc vợ chồng sống ly thân nhau đã thể hiện rõ là hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N, cho chị N và anh N1 ly hôn.

[3] Về nuôi con: Chị N và anh N1 có 02 con là cháu Phạm Thị Hồng H sinh ngày 06/01/2015 và cháu Phạm Thị Yến H1 sinh ngày 01/12/2018. Chị N và anh N1 thoả thuận giao cả hai cháu H và cháu H1 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Thoả thuận trên giữa chị N và anh N1 là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H là mong muốn được ở với anh N1. Nên chấp nhận giao cả hai cháu H và cháu H1 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị N và anh N1 thoả thuận chị N cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H1 cho anh N1 mỗi cháu, mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; thoả thuận của chị N và anh N1 là tự nguyện nên Toà án chấp nhận.

[4] Về tài sản: Chị N và anh N1 đều không yêu cầu Toà án giải quyết; vợ chồng chị N anh N1 không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn; chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quyết định của Toà án nên chị N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Cho chị Lã Thị N ly hôn anh Phạm Văn N1.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận thoả thuận của chị N và anh N1; giao cháu Phạm Thị Hồng H sinh ngày 06/01/2015 và cháu Phạm Thị Yến H1 sinh ngày

01/12/2018 cho anh N1 nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị N cấp dưỡng nuôi con cho anh N1 mỗi tháng, mỗi cháu là 1.000.000 đồng (một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu H và cháu H1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh N1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị N phải cấp dưỡng nuôi con cho anh N1, cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H và cháu H1 được sống chung với anh N1 và chị N có quyền thăm nom cháu H và cháu H1; anh N1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu H1. Chị N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu H1 của anh N1.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Buộc chị Lã Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001635 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị N đã nộp đủ án phí về việc ly hôn.

- Án phí về việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lã Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N1 Bình
- VKSND tỉnh N1 Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND xã Khánh Vân
- Các đương sự
- Lưu hồ s

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở cha, mẹ không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Phương

Nguyễn Hà Giang

Bùi Văn Lực

Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn vừa là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái.

theo chị N khai “anh N1 luôn có hành vi đánh đập chị N đã được bố mẹ chồng nhắc nhở, hoà giải H1ều lần, nhưng anh N1 không sửa chữa”. Anh N1 đã đi tìm nhưng chị N không về dẫn đến vợ chồng **vẫn tiếp tục sống ly thân**

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh Duy vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Duy. và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 19/01/2024

Anh Dũng có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Thành được sống chung với chị Trang và anh Dũng có quyền thăm nom cháu Thành; chị Trang cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Dũng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thành. Anh Dũng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Thành của chị Trang.

8. Căn cứ cho ly hôn (Điều 89)

a. Theo quy định tại khoản 1 Điều 89 thì Toà án quyết định cho ly hôn nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích của hôn nhân không đạt được.

a.1. Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi:

- Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, hoà giải H1ều lần.

- Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải H1ều lần.

- Vợ chồng không chung thuỷ với nhau như có quan hệ ngoại tình, đã được người vợ hoặc người chồng hoặc bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình;

a.2. Để có cơ sở nhận định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được, thì phải căn cứ vào tình trạng hiện tại của vợ chồng đã đến mức trầm trọng như hướng dẫn tại điểm a.1 mục 8 này. Nếu thực tế cho thấy đã được nhắc nhở, hoà giải H1ều lần, nhưng vẫn tiếp tục có quan hệ ngoại tình hoặc vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau hoặc vẫn tiếp tục có hành vi ngược đãi hành hạ, xúc phạm nhau, thì có căn cứ để nhận định rằng đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài được.

a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng; không tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng; không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng; không giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển mọi mặt.